

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thực hiện Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội
các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi
giai đoạn 2006 - 2010 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Dân tộc - Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 07/TTr-BDT ngày 12 tháng 01 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này nội dung Quy định thực hiện Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1031/2007/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn II, tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh về giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lô Ích Giang

QUY ĐỊNH

**Thực hiện Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt
khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

(gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn II)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 308/2009/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Phần thứ nhất**QUY ĐỊNH CHUNG****I. Đối tượng và phạm vi áp dụng****1. Đối tượng**

- a) Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc (gọi tắt là dự án hỗ trợ phát triển sản xuất).
- b) Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu.
- c) Dự án Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn, bản và cộng đồng.
- d) Chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật.

2. Phạm vi áp dụng

- a) Các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) được thụ hưởng Chương trình 135 giai đoạn II theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- b) Thôn, bản ĐBKK thuộc các xã khu vực II được cấp có thẩm quyền quyết định.

II. Nguyên tắc quản lý và sử dụng vốn đầu tư**1. Nguồn vốn đầu tư**

Chương trình 135 giai đoạn II được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và các chương trình, dự án khác trên địa bàn xã, thôn, xóm ĐBKK với vốn của Chương trình 135, bao gồm:

- + Vốn ngân sách Trung ương;

- + Vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, ngân sách xã);
- + Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác;
- + Vốn huy động từ nhân dân, các cơ quan, đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội hỗ trợ.

2. Nguyên tắc quản lý, tiêu chí phân bổ vốn

a) Đầu tư đảm bảo tính công khai, dân chủ, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người dân và cộng đồng trong việc xây dựng và lập kế hoạch tổ chức thực hiện các dự án, trong đó ưu tiên cho những công trình, dự án có tác động trực tiếp đến việc giảm nghèo, giải quyết các nhu cầu bức xúc ở cơ sở.

b) Tăng cường phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã quản lý dự án của Chương trình, Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm phân công cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện hướng dẫn và tăng cường cán bộ giúp xã trực tiếp quản lý, thực hiện các dự án của Chương trình. Đơn vị, nhà thầu thi công các công trình, dự án của Chương trình phải ưu tiên sử dụng lao động trong xã để gắn quyền lợi, trách nhiệm của người dân với công trình, đồng thời giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân địa phương.

c) Tiêu chí phân bổ vốn: Phân bổ vốn theo tiêu chí tại Nghị quyết số 38/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh; tiêu chí bổ sung là căn cứ theo mức độ hoàn thành và kết quả giải ngân (đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và đào tạo).

3. Cấp phát và thanh, quyết toán vốn đầu tư

Cấp phát tạm ứng, thanh toán vốn theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước; quyết toán vốn theo hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành.

Phần thứ hai

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Đối tượng hỗ trợ đầu tư

a) Hộ nghèo: Theo quy định hiện hành.

b) Nhóm hộ: Được lựa chọn công khai, dân chủ từ thôn, bản trên cơ sở những hộ nghèo hơn được ưu tiên hỗ trợ đầu tư trước. Nhóm hộ phải được thành lập trên cơ sở tự nguyện của hộ nghèo và hộ không phải hộ nghèo nhưng có chung nguyện vọng phát triển sản xuất.

Nhóm hộ từ 05 hộ trở lên, có 01 tổ trưởng do các hộ bầu ra để quản lý, điều hành hoạt động của nhóm; có cam kết hoặc nội quy hoạt động của nhóm quy định rõ về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi và đóng góp (công lao động, vật tư, tiền,...) của từng thành viên trong nhóm để thực hiện kế hoạch sản xuất đã

được xác định và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nhằm tăng thu nhập, tạo việc làm cho các thành viên. Số lượng hộ không nghèo trong nhóm không quá 20% tổng số hộ của nhóm và do Ủy ban nhân dân xã quyết định trên cơ sở ý kiến của đa số hộ trong nhóm hộ.

2. Nội dung và mức hỗ trợ đầu tư

2.1. Hỗ trợ có tính chất sự nghiệp

a) Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến công giúp người nghèo tiếp cận các dịch vụ và kiến thức khoa học - kỹ thuật, nâng cao nhận thức và áp dụng vào sản xuất của hộ, nhóm hộ.

b) Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất mới

Mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản. Mô hình sản xuất gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

Mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở xã:

- Mô hình trồng trọt được hỗ trợ 100% giá mua giống, phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật; diện tích mô hình bình quân không quá 500 m²/hộ.

- Chi phí cho mô hình chăn nuôi tiểu gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản không quá 500.000 đồng/hộ để mua giống, thức ăn và thuốc phòng bệnh.

c) Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất (áp dụng cho hộ nghèo và hộ không nghèo) được hỗ trợ 100% về giống (cây trồng, vật nuôi), phân vô cơ cho sản xuất và thuốc phòng, trừ dịch bệnh để thực hiện mô hình.

d) Hỗ trợ mua giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất (áp dụng cho hộ nghèo).

- Nhà nước hỗ trợ 100% giá mua giống cây trồng (cây lương thực, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp, cây ăn quả, giống cỏ,...) giống vật nuôi (tiểu gia súc, gia cầm, thủy sản,...) vật tư sản xuất (phân hoá học, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các loại vật tư khác).

- Mua trâu, bò, ngựa (từ 2 tuổi trở lên) mức hỗ trợ tối đa không quá 03 triệu đồng/hộ.

Giống vật nuôi, giống thủy sản; giống cây trồng các loại, có năng suất, chất lượng cao phải phù hợp với điều kiện của địa phương.

2.2. Hỗ trợ có tính chất đầu tư phát triển

- Hỗ trợ không quá 01 triệu đồng/hộ nghèo để xây dựng chuồng chăn nuôi trâu, bò, lợn; lò sấy nông, lâm sản.

- Hỗ trợ giá mua và cước vận chuyển máy móc, công cụ phục vụ sản xuất thiết bị của hộ, nhóm hộ như: máy canh tác, thu hoạch, chế biến, bảo quản nông, lâm sản, bình phun thuốc động cơ....., mức hỗ trợ không quá 03 triệu đồng/hộ.

Năm 2008, việc cấp phát, thanh toán vốn của dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện theo quy định hiện hành; từ năm 2009 việc phân định cơ cấu vốn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Chi phí quản lý: Bộ phận quản lý Nhà nước tỉnh, huyện dùng kinh phí quản lý của Ban chỉ đạo Chương trình được cấp hàng năm; các đơn vị trực tiếp thực hiện (chủ đầu tư) được áp dụng theo Thông tư số 02/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng.

3. Quy trình lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư sản xuất

3.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các huyện xây dựng kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn cụ thể cơ chế chính sách thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

3.2. Ban quản lý dự án Chương trình 135 hoặc phòng chuyên môn của huyện, được giao thực hiện dự án phối hợp với xã, trường thôn, bản tổ chức họp dân (họp thôn, bản hoặc liên thôn bản) thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ cho thôn (hoặc liên thôn), xác định nội dung cần hỗ trợ đầu tư (chỉ nên chọn một đến hai nội dung để tập trung vốn đầu tư cho hiệu quả), báo cáo nội dung đã được xác định với chủ đầu tư (xã) để tổng hợp nhu cầu; thông tin thị trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã đã xác định để các hộ lựa chọn các sản phẩm nông, lâm, ngư và tiểu thủ công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và thu hút nhiều lao động địa phương.

3.3. Chủ đầu tư lập kế hoạch thực hiện và kèm theo dự toán chi tiết của xã đã được xác định trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi Ban Dân tộc và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi và chỉ đạo.

4. Thủ tục triển khai

4.1. Đối với chi hỗ trợ có tính chất sự nghiệp: Kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết do chủ đầu tư lập và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

4.2. Nguồn vốn chi hỗ trợ có tính chất đầu tư phát triển:

- Chi mua công cụ cầm tay (công suất của công cụ, thiết bị chi dùng cho một hộ): Kế hoạch và dự toán chi tiết do chủ đầu tư lập được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Chi mua máy móc dùng chung cho nhóm hộ, thủ tục triển khai gồm: Báo cáo kinh tế kỹ thuật, văn bản lựa chọn nhà thầu, hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện tổng hợp nhu cầu các loại công cụ, thiết bị, máy móc và tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai trên cơ sở thông báo giá hàng quý của Sở Tài chính.

5. Các điều kiện thanh toán vốn

5.1. Quy định về hoá đơn thanh toán: Đối với vật tư, giống, máy móc công cụ,... nếu mua của các công ty hoặc hộ kinh doanh thì bắt buộc phải có hoá đơn theo quy định hiện hành. Trường hợp mua bán trong dân thì phải có giấy biên nhận mua bán của hộ, có xác nhận của trưởng thôn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Nếu danh mục hàng hoá mua sắm không có trong thông báo của Sở Tài chính, đơn vị thực hiện trình duyệt giá Sở Tài chính.

5.2. Các loại vật tư, giống,... không vượt quá mức giá của các công ty, đơn vị như: các loại phân hoá học của Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp; các loại giống cây trồng của Công ty Cổ phần Giống nông nghiệp; các loại vật tư, thuốc của Chi cục Thú y và Chi cục Bảo vật thực vật; hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi, lò sấy nông lâm sản; hỗ trợ mua trâu bò, ngựa làm giống (từ 2 tuổi trở lên) các chủ đầu tư không phải làm thủ tục duyệt giá.

5.3. Thủ tục thanh toán đối với hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi, lò sấy nông, lâm sản là: Biên bản nghiệm thu, có chữ ký của chủ hộ được hỗ trợ, trưởng thôn, đại diện Ủy ban nhân dân xã, chủ đầu tư (đối với trường hợp xã không làm chủ đầu tư).

5.4. Thủ tục thanh toán đối với hỗ trợ mua trâu, bò, ngựa, dê làm giống: Giấy mua bán giữa người bán và chủ hộ hưởng lợi, có xác nhận của trưởng thôn, đại diện Ủy ban nhân dân xã, chủ đầu tư (đối với trường hợp xã không làm chủ đầu tư).

5.5. Các thủ tục tạm ứng, cấp phát, thanh toán vốn qua Kho bạc Nhà nước.

5.5.1. Trường hợp tạm ứng, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước các hồ sơ chứng từ sau:

- Quyết định giao làm chủ đầu tư của cấp có thẩm quyền; quyết định giao chỉ tiêu vốn hàng năm;

- Kế hoạch đăng ký nhu cầu hỗ trợ; dự toán chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt).

- Báo cáo kinh tế kỹ thuật mua máy móc đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Danh sách các hộ được nhận hỗ trợ đầu tư đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Giấy đề nghị tạm ứng của chủ đầu tư.

5.5.2. Các thủ tục trong công tác thanh toán vốn.

- Chủ đầu tư gửi các hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước (như mục 5.5.1).

- Danh sách các hộ đã được ký nhận hỗ trợ đầu tư theo bản danh sách của Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Các biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành.

- Các hồ sơ, chứng từ, hợp đồng, hóa đơn, bản kê thanh toán liên quan.

- Giấy rút dự toán ngân sách.

Trường hợp dự án được thực hiện theo hình thức tự thực hiện dự án: Chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (nếu có quyết định riêng) hoặc trong quyết định đầu tư dự án; văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ.

II. Dự án phát triển cơ sở hạ tầng

1. Đối tượng, định mức đầu tư công trình

a) Công trình đầu tư tại xã: Bao gồm xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã (kể cả sửa chữa, nâng cấp công trình cũ đầu tư bằng nguồn vốn khác).

- Công trình giao thông từ xã đến thôn bản, liên thôn bản được ngân sách của Chương trình hỗ trợ thực hiện theo cơ chế, như sau:

+ Đường đất được ngân sách Chương trình hỗ trợ không quá 70% tổng vốn đầu tư theo báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đường qua đá, cầu, cống, công trình thoát nước và các hạng mục phụ trợ khác ngân sách hỗ trợ 100%.

+ Không sử dụng nguồn vốn Chương trình 135 để đầu tư làm mới đường ô tô đến trung tâm xã.

- Công trình thủy lợi nhỏ phục vụ trong phạm vi xã hoặc liên thôn bản, được ngân sách Chương trình hỗ trợ đầu tư không quá 90 % tổng vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Công trình điện từ xã đến thôn bản được ngân sách của Chương trình hỗ trợ đầu tư không quá 30 triệu đồng/hộ; không sử dụng vốn của Chương trình 135 để đầu tư xây dựng mới công trình điện đến trung tâm xã (đối với những xã chưa có điện lưới quốc gia đến trung tâm xã).

- Trường, lớp học tại trung tâm xã, đồng bộ cả điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, trang bị bàn ghế học tập, công trình phục vụ cho học sinh bán trú, nhà ở giáo viên; xây dựng lớp tiểu học, lớp mẫu giáo, nhà trẻ, nhà ở giáo viên, công trình phụ tại thôn, bản nơi cần thiết.

- Trạm y tế xã đồng bộ cả công trình phụ trợ, điện, nước sinh hoạt, mua sắm trang thiết bị thiết yếu theo chuẩn hoá cơ sở y tế cấp xã.

- Chợ: chỉ hỗ trợ đầu tư công trình nhà lồng chợ và san tạo mặt bằng ban đầu dưới 5.000 m², mức hỗ trợ đầu tư không quá 500 triệu đồng.

- Nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn, bản nơi cần thiết, có từ 50 hộ trở lên ngân sách hỗ trợ đầu tư không quá 150 triệu đồng/nhà; dưới 50 hộ, ngân sách hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/nhà.

- Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, được ngân sách hỗ trợ đầu tư không quá định mức 15 triệu đồng/hộ hưởng lợi.

b) Công trình đầu tư tại thôn, bản thuộc xã khu vực II:

Bao gồm xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình trên địa bàn thôn, bản (kể cả sửa chữa, nâng cấp công trình cũ đầu tư bằng nguồn vốn khác). Công trình và mức hỗ trợ đầu tư giống như đối với xã ĐBK, nhưng không có công trình chợ và trạm y tế.

c) Các công trình đầu tư từ nguồn vốn Chương trình 135 hoặc công trình khác trên địa bàn có sử dụng trên 50% vốn từ Chương trình 135 phải gắn biển ghi tên công trình thuộc Chương trình 135 và các thông tin cơ bản: Đơn vị chủ đầu tư, đơn vị thi công, thời gian khởi công và hoàn thành.

2. Cấp quyết định đầu tư

Ủy ban nhân dân huyện là cấp quyết định đầu tư tất cả các công trình hạ tầng Chương trình 135.

3. Quy hoạch, kế hoạch đầu tư

3.1. Quy hoạch xây dựng công trình cơ sở hạ tầng: Các công trình cơ sở hạ tầng phải nằm trong quy hoạch.

Đối với các địa phương chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch thiếu, Ủy ban nhân dân xã lựa chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực để lập, rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và bố trí dân cư.

Vốn để lập, rà soát, bổ sung quy hoạch được bố trí trong kế hoạch từ nguồn vốn đầu tư cho Chương trình 135.

3.2. Kế hoạch đầu tư: Các địa phương ưu tiên thực hiện theo danh mục công trình đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2007.

3.2.1. Kế hoạch giai đoạn

a) Cấp xã: Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp dân, để thống nhất lựa chọn, đề xuất danh mục công trình; rà soát, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đầu tư, thông qua Hội đồng nhân dân xã, trình Ủy ban nhân dân huyện. Các công trình hạ tầng ưu tiên công trình phục vụ được nhiều hộ dân sống tập trung còn nhiều khó khăn, tính toán đầu tư có hiệu quả.

b) Cấp huyện: Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân các xã, Ủy ban nhân dân huyện rà soát, tổng hợp, thông qua cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cấp tỉnh trước khi phê duyệt.

3.2.2 Kế hoạch đầu tư hàng năm

a) Cấp xã: Căn cứ vào danh mục công trình đã được phê duyệt và kế hoạch vốn, từ quý II hàng năm Ủy ban nhân dân xã thông báo và tổ chức họp dân từng thôn, bản, các tổ chức đoàn thể xã hội để lựa chọn, đề xuất danh mục công trình cần đầu tư năm sau, tổng hợp kế hoạch, thông qua Hội đồng nhân dân xã, trình lên Ủy ban nhân dân huyện. Chủ đầu tư lập hoặc thuê tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, kèm theo kế hoạch đấu thầu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thẩm định và phê duyệt.

Vốn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật được bố trí trong kế hoạch năm từ nguồn vốn ngân sách đầu tư cho dự án thuộc Chương trình 135.

b) Cấp huyện: Trên cơ sở đề xuất của các xã, Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp danh mục công trình và phân bổ vốn đầu tư.

3.2.3. Thời gian đầu tư công trình

Công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 được cân đối đủ vốn và thực hiện đầu tư trong thời gian không quá 02 năm.

4. Quy trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình

4.1. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn bản chủ yếu là công trình có quy mô nhỏ do đó không phải lập dự án đầu tư, chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Nội dung báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình bao gồm: Tên công trình, tên chủ đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô công trình, nguồn vốn, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, kèm theo thiết kế bản vẽ thi công, dự toán chi phí vật tư, vật liệu xây lắp.

- Chủ đầu tư tự lập hoặc thuê tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, kế hoạch đấu thầu trình Ủy ban nhân dân huyện thẩm định và phê duyệt theo quy định.

4.2. Thực hiện đầu tư xây dựng công trình

a) Lựa chọn nhà thầu xây dựng thực hiện như sau:

- Chủ đầu tư phải thông báo công khai về việc tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu bằng một trong các phương tiện: Đài truyền hình, đài truyền thanh huyện trước ít nhất 15 ngày phát hành Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu. Riêng công trình giao cho cộng đồng thi công chỉ cần niêm yết thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hoá thôn, chợ, họp dân và thông tin trên trạm truyền thanh của xã;

- Gói thầu về dịch vụ tư vấn xây dựng, mua sắm hàng hoá thực hiện theo Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

- Gói thầu xây lắp hoặc gói thầu xây lắp có kết hợp mua sắm hàng hoá có giá từ 1 tỷ đồng trở lên tổ chức đấu thầu theo Luật Đấu thầu (theo các văn bản hướng dẫn hiện hành);

- Gói thầu xây lắp có giá gói thầu dưới 01 tỷ đồng thực hiện theo hình thức như sau:

+ Gói thầu xây lắp có giá từ 300 triệu đồng trở xuống thuộc dự án đầu tư phát triển thực hiện theo hình thức đấu thầu có sự tham gia của cộng đồng. Chủ đầu tư thông báo cho dân biết để cộng đồng đăng ký tham gia thực hiện. Trường hợp có nhiều nhóm cộng đồng cùng đăng ký tham gia thì Chủ đầu tư tổ chức họp các nhóm đã đăng ký để công khai lựa chọn, dựa vào các tiêu chí giá cả, tiến độ và chất lượng để phê duyệt kết quả đấu thầu; nếu hết thời hạn thông báo

(do Chủ đầu tư quy định) chỉ có 1 nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm đó thực hiện. Trường hợp không có nhóm cộng đồng tham gia thì Chủ đầu tư lựa chọn một nhà thầu phù hợp để đàm phán, ký hợp đồng thực hiện;

+ Gói thầu xây lắp hoặc gói thầu xây lắp kết hợp mua sắm hàng hoá (trạm bơm có cả thiết bị, trạm biến áp điện,...) có giá từ trên 300 triệu đến dưới 1 tỷ đồng tổ chức đấu thầu trên cơ sở lựa chọn năng lực và giá dự thầu của ít nhất 3 nhà thầu tham gia. Trường hợp hết thời hạn thông báo không có đủ 3 nhà thầu tham gia gói thầu thì Chủ đầu tư trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

b) Quy trình thực hiện đấu thầu

- Thông báo công khai về việc tổ chức đấu thầu, địa điểm, thời gian phát hành hồ sơ yêu cầu;
- Lập hồ sơ yêu cầu và phát hành hồ sơ yêu cầu;
- Chuẩn bị hồ sơ đề xuất;
- Đánh giá, xem xét hồ sơ đề xuất;
- Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả chọn nhà thầu;
- Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

Quy định cụ thể về quy trình, hình thức chọn nhà thầu, đấu thầu và hợp đồng xây dựng thực hiện theo Sổ tay hướng dẫn về đấu thầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc phối hợp ban hành.

c) Các trường hợp sau đây được phép chỉ định thầu

- Gói thầu thực hiện cấp bách để khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ;
- Gói thầu đã tổ chức đấu thầu nhưng chỉ có một nhà thầu tham gia;
- Gói thầu thực hiện theo hình thức khoán gọn theo đơn vị sản phẩm (triệu đồng/km, m²,...) nhằm huy động sức lao động của dân, do dân tự tổ chức thực hiện, ngân sách Nhà nước hỗ trợ dưới 70% tổng vốn đầu tư trong báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Công trình do nhân dân trong xã tự làm được tạm ứng tối thiểu 50% giá trị hợp đồng, nhưng không vượt kế hoạch vốn hàng năm của công trình; công trình do các doanh nghiệp thi công hình thức đấu thầu và chỉ định thầu được tạm ứng tối thiểu 30% giá trị hợp đồng nhưng không vượt quá kế hoạch vốn hàng năm của công trình.

e) Phê duyệt kết quả đấu thầu

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt hoặc uỷ quyền phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu theo đề nghị của Chủ đầu tư (trừ gói thầu xây lắp có giá dưới 300 triệu do Chủ đầu tư phê duyệt). Chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu và các gói thầu được uỷ quyền.

4.3. Giám sát hoạt động xây dựng

a) Tổ chức giám sát thi công công trình xây dựng bao gồm: Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, giám sát tác giả và ban giám sát xã. Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực giám sát thi công. Trường hợp không có tổ chức tư vấn giám sát thi công theo quy định, tùy theo điều kiện cụ thể, Chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát thi công và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Giám sát của chủ đầu tư thực hiện theo Điều 21 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004.

4.4. Nghiệm thu, bàn giao, quản lý, khai thác công trình

a) Nghiệm thu công trình: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm:

- Đại diện Ban Quản lý dự án;
- Đại diện các đơn vị: Tư vấn thiết kế, tổ chức thi công xây dựng, tư vấn giám sát;
- Đại diện giám sát của chủ đầu tư, đại diện Ban giám sát của xã và đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình.

Tùy từng trường hợp cụ thể, chủ đầu tư mời thêm thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

b) Bàn giao quản lý, khai thác công trình

Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư phải bàn giao công trình cho Ủy ban nhân dân xã để giao cho thôn bản, đơn vị có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho Ủy ban nhân dân xã (trừ công trình điện giao cho ngành điện lực quản lý).

5. Công tác duy tu, bảo dưỡng

a) Công trình trong thời gian bảo hành do nhà thầu thực hiện.

b) Công trình sau thời gian bảo hành thực hiện theo Quyết định số: 2734/2008/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định công tác bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Trên cơ sở các quy định hiện hành về quản lý xây dựng cơ bản của Nhà nước ban hành và Hướng dẫn này, Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn các xã thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng.

III. Dự án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn và cộng đồng

1. Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng

- Cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã; cán bộ không chuyên trách cấp xã và cấp thôn, bản theo quy định tại Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Cán bộ được cấp trên tăng cường về giúp xã;
- Các thành viên trong Ban Quản lý và Ban Giám sát xã;
- Người có uy tín trong cộng đồng của thôn, bản;
- Hộ nghèo và các hộ có kinh nghiệm có vai trò tích cực trong công tác xoá đói giảm nghèo, phát triển nông thôn của xã và thôn bản;
- Cán bộ nguồn trong diện quy hoạch của xã;
- Cộng tác viên trợ giúp pháp lý cấp xã, thành viên câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở xã;
- Thanh niên người dân tộc thiểu số trong độ tuổi 16 - 25.

Trong tất cả các đối tượng tại điểm 1, ưu tiên cán bộ là người dân tộc thiểu số và phụ nữ.

2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

a) Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi; kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao nhận thức và vận dụng vào phát triển kinh tế hộ gia đình.

b) Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình 135: Kiến thức về quản lý dự án đầu tư, giám sát đánh giá, báo cáo tổng hợp, ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý đầu tư, báo cáo tổng hợp và giám sát đánh giá; thanh quyết toán vốn của các dự án và chính sách thuộc Chương trình 135 giai đoạn II.

c) Quy chế dân chủ ở cơ sở và sự tham gia của cộng đồng trong việc tham gia thực hiện Chương trình: Tổ chức họp dân, tổng hợp ý kiến, lập kế hoạch, giám sát đầu tư.

d) Hỗ trợ dạy nghề cho đồng bào người dân tộc thiểu số (thực hiện lồng ghép với Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, chỉ áp dụng đối với thanh niên trong độ tuổi 16 - 25).

e) Kiến thức pháp luật có liên quan.

3. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng

Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng do Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp các bộ, ngành liên quan tổ chức biên soạn và xuất bản; tài liệu đặc thù của địa phương do cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh biên soạn, sử dụng thống nhất tại địa phương.

4. Thời gian, hình thức đào tạo, bồi dưỡng

4.1. Cấp tỉnh: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã và thôn, bản thời gian cho một lớp tối đa không quá 7 ngày. Riêng đối với Ban Quản lý dự án, chủ đầu tư nếu xét thấy cần thiết phải đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian đào tạo, bồi dưỡng cho một lớp không quá 15 ngày;

4.2. Cấp huyện: Đào tạo, bồi dưỡng cộng đồng (người dân) thời gian cho một lớp tối đa không quá 5 ngày. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu tập trung tại từng thôn, bản hoặc liên thôn bản, tổ chức hội nghị đầu bờ, tham quan học tập mô hình sản xuất. Đào tạo, bồi dưỡng Ban Quản lý dự án, chủ đầu tư, thời gian tối đa không quá 10 ngày.

Nếu xét thấy cần thiết nội dung đào tạo, bồi dưỡng thì có thể tập huấn, đào tạo lặp lại lần 2 sau 6 tháng hoặc 1 năm trở lên, nhưng phải lựa chọn nội dung cho thiết thực và thời gian tập huấn, đào tạo không quá 2 ngày.

Nội dung, địa điểm đi tham quan, học tập trong và ngoài tỉnh:

+ Cấp tỉnh: Do cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo quyết định;

+ Cấp huyện: Do cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cấp huyện quyết định.

5. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

5.1. Cấp xã: Căn cứ nội dung và đối tượng đào tạo, bồi dưỡng, Ủy ban nhân dân xã thống kê, phân loại trình độ, năng lực chuyên môn, lựa chọn những đối tượng và nguyện vọng đào tạo, bồi dưỡng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

5.2. Cấp huyện: Ủy ban nhân dân huyện phân loại đối tượng, tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nhu cầu vốn, lập kế hoạch đào tạo, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp quản lý tổ chức thực hiện phần kinh phí đào tạo thuộc kế hoạch năm.

5.3. Cấp tỉnh: Cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh chủ trì tổ chức lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và dài hạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Căn cứ kế hoạch vốn thực hiện dự án đã giao, Cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh chủ trì phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch phân bổ vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và ghi theo cột mục riêng (Cơ quan thường trực Chương trình 135 tỉnh chỉ quản lý phần kinh phí được giao).

6. Kinh phí đào tạo

Nguồn kinh phí thực hiện dự án đào tạo, được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp của Chương trình 135 giai đoạn II. Việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của dự án thực hiện những nội dung sau:

- Chi in ấn các loại tài liệu đào tạo, do cơ quan thường trực Chương trình 135 thực hiện theo quy định hiện hành; cấp huyện được in ấn tài liệu đặc thù địa phương (nếu có).

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình: Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 87/2001/TT-BTC ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Bộ Tài chính.

- Chi trả thù lao cho giảng viên, chuyên gia nước ngoài (nếu có) theo mức quy định tại Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ

Tài chính hướng dẫn, quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước hiện hành.

- Chi hỗ trợ tiền ăn, ngủ, đi lại, văn phòng phẩm, nước uống và các khoản chi khác cho học viên, đại biểu trong thời gian đào tạo theo Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Cán bộ, công chức cấp xã và cộng đồng khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng được cấp toàn bộ kinh phí học tập và đi lại.

- Đối với thanh niên người dân tộc thiểu số tuổi từ 16 - 25 được cấp có thẩm quyền cử đi học nghề thì ngoài chế độ theo quy định tại Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn còn được hỗ trợ thêm.

- + Thời gian học nghề cho 01 đối tượng không quá 03 tháng;

- + Tiền ăn trong thời gian học nghề: tối đa không quá 10.000 đồng/người/ngày;

- + Tiền đi lại: Người nghèo học nghề xa nơi cư trú từ 15 km trở lên được hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé phương tiện giao thông công cộng, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học.

- + Chi phí quản lý lớp học (tối đa không quá 5% giá trị dự toán).

- + Chi phí đi tham quan, học tập (tối đa không quá 5% giá trị dự toán).

Căn cứ mức chi tại các văn bản hướng dẫn của Trung ương, các cơ quan chức năng của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện chỉ đạo thực hiện mức chi, từng nội dung cho phù hợp với điều kiện địa phương.

IV. Chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật

Thực hiện theo Quyết định số 719/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý nâng cao nhận thức pháp luật.

V. Tổ chức quản lý thực hiện đối với các nhiệm vụ thực hiện bằng dự án

1. Chủ đầu tư

Công trình, dự án đầu tư có tính liên hoàn, sử dụng trên phạm vi liên xã do Ủy ban nhân dân huyện làm chủ đầu tư; công trình, dự án do một xã quản lý sử dụng, phân giao cho Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư.

Trong trường hợp xã có khó khăn trong việc làm chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm cử cán bộ giúp xã để xã có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

Trong trường hợp xã chưa đủ điều kiện làm chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện giao cho đơn vị có chức năng phù hợp của huyện làm chủ đầu tư. Ủy ban nhân dân xã cử người tham gia cùng với chủ đầu tư để quản lý dự án và tổ chức tiếp nhận công trình đưa vào khai thác sử dụng.

2. Ban Quản lý dự án

a) Chủ đầu tư có thể quyết định thuê cá nhân, tổ chức tư vấn hoặc thành lập Ban Quản lý dự án (nếu cần thiết) để giúp chủ đầu tư quản lý điều hành dự án.

b) Trường hợp chủ đầu tư thuê cá nhân, tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thì cá nhân, tổ chức tư vấn đó phải có đủ điều kiện, năng lực quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của dự án. Trách nhiệm và quyền hạn của tư vấn quản lý dự án được thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy quản lý của mình hoặc chỉ định một đầu mối để kiểm tra theo dõi việc thực hiện hợp đồng tư vấn quản lý dự án.

c) Trường hợp chủ đầu tư thành lập Ban Quản lý dự án thì nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý dự án do chủ đầu tư giao hoặc uỷ quyền cho Ban Quản lý dự án thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư. Việc thành lập Ban Quản lý dự án thực hiện như sau:

- Xã làm chủ đầu tư: sử dụng Ban Quản lý dự án chung của xã để thực hiện, Ban Quản lý dự án của xã có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện và sử dụng con dấu của xã để giao dịch. Nếu xã chưa có Ban Quản lý dự án thì thành lập Ban Quản lý dự án theo hướng dẫn tại Thông tư này.

- Cấp huyện làm chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Quản lý dự án hoặc giao cho Ban Quản lý dự án đã có thực hiện. Ban Quản lý dự án huyện được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện và có con dấu riêng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư và Ban Quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư thành lập Ban Quản lý dự án

a) Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư

- Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình và quyết định phê duyệt đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và kế hoạch đấu thầu;

- Phê duyệt kết quả chỉ định thầu và trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Ký kết hợp đồng với các nhà thầu;

- Thanh toán cho nhà thầu theo tiến độ hợp đồng hoặc theo biên bản nghiệm thu;

- Nghiệm thu để đưa công trình xây dựng vào khai thác, sử dụng.

- Tuỳ theo đặc điểm cụ thể của dự án, chủ đầu tư có thể uỷ quyền cho Ban Quản lý dự án thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý dự án

- Thực hiện các thủ tục về giao nhận đất, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình;

- Chuẩn bị hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, kế hoạch đấu thầu để cấp quyết định đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định;

- Lập hồ sơ đề xuất, hồ sơ mời dự thầu (nếu có), thông báo công khai về đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu;

- Đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà thầu theo uỷ quyền của chủ đầu tư;

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình khi có đủ điều kiện năng lực;

- Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo hợp đồng ký kết;

- Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của công trình xây dựng;

- Nghiệm thu, bàn giao công trình;

- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng;

- Ban Quản lý dự án được đồng thời quản lý nhiều dự án khi được chủ đầu tư cho phép.

4. Nhiệm vụ của chủ đầu tư và tổ chức tư vấn quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án

a) *Trách nhiệm của chủ đầu tư*

- Lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức tư vấn quản lý dự án đủ điều kiện năng lực phù hợp với dự án;

- Ký thanh toán cho nhà thầu theo yêu cầu của tư vấn quản lý dự án;

- Tạo mọi điều kiện cho hoạt động của tổ chức tư vấn quản lý dự án;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại khi thông đồng với tổ chức tư vấn quản lý dự án hoặc nhà thầu làm thất thoát vốn đầu tư.

b) *Nhiệm vụ của tổ chức tư vấn quản lý dự án*

- Lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu (nếu có), tư vấn lựa chọn nhà thầu;

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình;

- Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các hợp đồng do chủ đầu tư đã ký kết; tư vấn quản lý dự án phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác, hợp lý của giá trị thanh toán;

- Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của dự án;
- Nghiệm thu, bàn giao công trình;
- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, lập báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng;
- Tuỳ điều kiện của dự án, chủ đầu tư có thể giao các nhiệm vụ khác cho tư vấn quản lý dự án và phải được ghi cụ thể trong hợp đồng.
- Tổ chức tư vấn quản lý dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các nội dung đã cam kết trong hợp đồng. Phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong quá trình quản lý dự án. Tư vấn quản lý dự án phải chịu trách nhiệm về các hoạt động quản lý dự án tại công trường xây dựng.

5. Ban Giám sát xã

Các xã (kể cả xã khu vực II có thôn, bản ĐBKK) thành lập Ban Giám sát xã để giám sát việc thực hiện các dự án, chính sách hỗ trợ của Chương trình 135 trên địa bàn xã. Ban Giám sát xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập theo đề nghị của Mặt trận Tổ quốc xã. Thành phần Ban Giám sát xã bao gồm: Một số đại diện các tổ chức chính trị xã hội của xã; đại diện Hội đồng nhân dân xã; những người có uy tín trong cộng đồng, có năng lực, kinh nghiệm hoạt động giám sát. Những xã khu vực II có thôn ĐBKK thì Ban Giám sát xã phải có ít nhất 2 đại diện của thôn ĐBKK do dân bầu ra tham gia.

Ban Giám sát của xã có nhiệm vụ giám sát xây dựng công trình, dự án thực hiện trên địa bàn xã từ giai đoạn lựa chọn công trình, khảo sát thiết kế đến thi công, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng, thanh quyết toán công trình và bảo hành công trình.

Trong quá trình thi công công trình, Ban Giám sát xã phối hợp với giám sát của chủ đầu tư (giám sát của ban quản lý dự án, tư vấn giám sát), giám sát tác giả có nhiệm vụ giám sát chất lượng, khối lượng, giá vật liệu, tiến độ thi công,... là thành viên nghiệm thu công trình ở các giai đoạn.

VI. Sử dụng nguồn vốn đầu tư

1. Vốn đầu tư

Chương trình 135 giai đoạn II được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn quy định tại Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg; các nguồn vốn được đưa vào kế hoạch quản lý thống nhất, đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, không để thất thoát.

Ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn vay và vốn viện trợ ngoài nước) đầu tư trực tiếp cho Chương trình 135;

Ngân sách địa phương đầu tư trực tiếp cho Chương trình 135;

Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác;

Nguồn vốn huy động hợp pháp tại địa phương; nguồn hỗ trợ của các ngành, đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội và các địa phương khác đóng góp bằng tiền, vật tư, lao động; nguồn lực huy động tại chỗ của dân, chủ yếu là vật tư, lao động, không huy động bằng tiền mặt đối với hộ nghèo.

2. Phân bổ nguồn vốn các dự án, chính sách

Việc lập dự toán, phân bổ vốn thực hiện theo Nghị quyết số 38/2006/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; quản lý vốn thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Đối với các xã ĐBKK, thôn, bản thực hiện nhiệm vụ của chương trình từ ngân sách địa phương theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn để thực hiện đảm bảo ít nhất mức tương đương với định mức vốn của ngân sách Trung ương.

3. Sử dụng nguồn vốn

Nguồn vốn ngân sách Trung ương chỉ được sử dụng chi hỗ trợ cho các dự án, chính sách theo các nội dung tại phần II của Hướng dẫn này.

Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá khác mua của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình 135 thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung của giá cả trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn, bản nơi bán, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

Những địa phương có công trình, dự án đã triển khai thực hiện theo các hướng dẫn của Chương trình 135 giai đoạn 1999 - 2005 trước khi có hướng dẫn này được sử dụng vốn của Chương trình 135 giai đoạn II từ nguồn vốn Trung ương giao theo kế hoạch hàng năm để bố trí tiếp cho các công trình hoàn thành đã quyết toán (nếu còn thiếu vốn), công trình hoàn thành chưa quyết toán và thi công dở dang trên địa bàn các xã được tiếp tục thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II.

Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo chương trình các cấp địa phương được đảm bảo từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện hoặc nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương để hỗ trợ chi cho hoạt động Ban Chỉ đạo: Hoạt động kiểm tra, giám sát, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, tập huấn của tỉnh, huyện và Trung ương, thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo; mức hỗ trợ hàng năm không quá 0,5% tổng kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ cho chương trình với mức tối thiểu 50 triệu đồng/năm, tối đa 500 triệu đồng/năm và được thực hiện từ năm 2007. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cụ thể cho Ban Chỉ đạo của tỉnh và Ban Chỉ đạo các cấp địa phương.

Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình 135 từ ngân sách đều phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước. Đối với các nguồn đóng góp bằng tiền mặt của dân, vật tư, tài trợ bằng hiện vật, lao động hoặc bằng công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động, cơ

quan tài chính quy đổi ra đồng Việt Nam để làm lệnh thu ngân sách, đồng thời làm lệnh chi ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để hạch toán vào giá trị công trình, dự án và tổng hợp vào thu, chi ngân sách Nhà nước.

VII. Tổng hợp, giao và báo cáo kế hoạch

Việc lập, phân bổ, quyết định giao vốn hàng năm được thực hiện theo Nghị quyết số 38/2006/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí Chương trình 135 thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

VIII. Kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả

1. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Căn cứ mục tiêu của Chương trình 135 và điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện xây dựng các chỉ tiêu đạt được theo tiến độ từng năm, từng giai đoạn và kết thúc chương trình để làm cơ sở giám sát đánh giá kết quả chương trình trên địa bàn toàn tỉnh.

- Các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chương trình. Giao cho Ban Dân tộc, cơ quan thường trực Chương trình 135 tỉnh, chủ trì đề xuất kế hoạch, nội dung kiểm tra, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá về cơ quan thường trực Chương trình 135 trung ương (Ủy ban Dân tộc).

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, các đơn vị liên quan tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc và cơ quan đoàn thể xã hội các cấp, cộng đồng tham gia giám sát và phối hợp giám sát thực hiện Chương trình.

- Ban Dân tộc: Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan đề xuất kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hàng năm, giữa kỳ và khi kết thúc Chương trình.

2. Chế độ báo cáo kết quả thực hiện

Căn cứ chỉ số giám sát đánh giá kết quả thực hiện chương trình của Ủy ban Dân tộc ban hành, Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện thu thập báo cáo ở các cấp địa phương để tổng hợp báo cáo gửi Ban Chỉ đạo Chương trình. Cơ quan quản lý Chương trình ở mỗi cấp địa phương phải có cán bộ theo dõi để làm công tác báo cáo tổng hợp. Riêng số liệu giải ngân vốn, trước khi gửi báo cáo, yêu cầu các chủ đầu tư phải đối chiếu số liệu có xác nhận của Kho bạc Nhà nước tại nơi mở tài khoản.

Báo cáo định kỳ hàng quý, năm thực hiện theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc ban hành Quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Trách nhiệm của các cấp, các ngành

1. Cấp tỉnh

1.1. Ban Dân tộc:

Là cơ quan thường trực - Ban Chỉ đạo Chương trình, chủ trì phối hợp với các sở, ngành của tỉnh tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Chương trình và có nhiệm vụ:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện lập kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm, tổng hợp xây dựng kế hoạch thực hiện từng năm và cả giai đoạn trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng kế hoạch, tổng hợp vốn thực hiện các dự án, chính sách của Chương trình hàng năm gửi Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo chung;

- Thực hiện một số nội dung của dự án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo của tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hàng quý, hàng năm, giữa kỳ và kết thúc Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh, tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện;

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vấn đề chuyên tiếp đảm bảo nguyên tắc khi thực hiện theo hướng dẫn mới, không làm gián đoạn hoặc chậm tiến độ thực hiện chương trình.

1.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn các xã, xóm thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010.

Hướng dẫn các huyện lập kế hoạch, tổng hợp nhu cầu đầu tư; kiểm tra giám sát thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện hợp phần dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và định kỳ tháng, quý năm báo cáo kết quả triển khai gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp.

- Biên soạn tài liệu, giáo trình và cử cán bộ làm báo cáo viên để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

1.3. Sở Kế hoạch - Đầu tư

- Phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho các dự án của Chương trình;

- Phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn các huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm.

- Biên soạn tài liệu, giáo trình và cử cán bộ làm báo cáo viên để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

1.4. Sở Tài chính

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán và giám sát việc thực hiện các nguồn vốn của Chương trình trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

- Hàng quý xây dựng và gửi thông báo giá mua sắm các loại hàng hoá, vật tư, thiết bị cho Ủy ban nhân dân các huyện.

- Biên soạn tài liệu, giáo trình và cử cán bộ làm báo cáo viên để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

1.5. Kho bạc Nhà nước tỉnh

- Hướng dẫn việc quản lý, trình tự, thủ tục cấp phát tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư.

- Biên soạn tài liệu, giáo trình và cử cán bộ làm báo cáo viên để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

1.6. Các sở, ban, ngành liên quan như: Sở Xây dựng; Giao thông - Vận tải; Nội vụ; Lao động - Thương binh và Xã hội, ... có văn bản hướng dẫn về lĩnh vực chuyên môn mình quản lý; kiểm tra giám sát chất lượng công trình, quy hoạch, các chế độ, chính sách để cấp huyện và cấp xã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

1.7. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo phối hợp với các cơ quan liên quan, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể, tổ chức xã hội hướng dẫn huyện, xã triển khai nội dung Chương trình; tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án do ngành quản lý với nội dung Chương trình 135; vận động các tổ chức, cá nhân, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tham gia thực hiện Chương trình nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

1.8. Cơ quan thông tin đại chúng ở tỉnh và huyện có nhiệm vụ tuyên truyền rộng rãi, để toàn xã hội cùng tham gia hưởng ứng thực hiện, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình.

2. Ủy ban nhân dân các huyện

- Thành lập cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình.

- Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo kế hoạch, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, chống

thất thoát và tiêu cực. Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ, hiệu quả nội dung Chương trình 135 trên địa bàn huyện.

- Hướng dẫn các xã lập kế hoạch đầu tư, căn cứ danh mục công trình trong quy hoạch, Ủy ban nhân dân huyện quyết định đầu tư và báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch - Đầu tư.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm và cho cả giai đoạn 2006 - 2010, kế hoạch dự toán kinh phí tổng thể và hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

- Tổ chức huy động các nguồn lực, vận động đồng bào các dân tộc tích cực tham gia thực hiện Chương trình.

- Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở và cộng đồng.

- Định kỳ hàng tháng (trước ngày 15), quý (trước ngày 15 tháng cuối quý), 6 tháng (trước ngày 15 tháng 6), 9 tháng (trước ngày 15 tháng 9), năm và báo cáo tổng kết Chương trình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện. Riêng phần kết quả thực hiện vốn, trước khi gửi báo cáo, yêu cầu các chủ đầu tư phải đối chiếu số liệu có xác nhận của Kho bạc Nhà nước tại nơi mở tài khoản.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xây dựng kế hoạch năm và giai đoạn triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn xã. Làm chủ đầu tư các dự án, công trình trong trường hợp được Ủy ban nhân dân huyện giao; làm chủ đầu tư công tác bảo trì công trình.

- Huy động nhân dân tham gia đóng góp nguồn lực cho Chương trình và thực hiện Chương trình theo nguyên tắc “xã được hỗ trợ đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội; đội ngũ cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực; người dân có việc làm, tăng thu nhập từ việc tham gia thực hiện Chương trình của xã”.

- Kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình. Báo cáo định kỳ tháng (trước ngày 10), quý (trước ngày 10 tháng cuối quý), 6 tháng (trước ngày 10 tháng 6), 9 tháng (trước ngày 10 tháng 9), năm về kết quả thực hiện dự án với Ủy ban nhân dân huyện.

II. Xử lý những dự án chuyển tiếp

1. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất: Những dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực đang triển khai dở dang thì do chủ đầu tư lựa chọn phù hợp với thực tế thực hiện. Những dự án đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện thì được bổ sung, điều chỉnh theo quy định hiện hành.

2. Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng: Những dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn nhà thầu xây dựng hoặc đang đầu tư dở dang được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn tại thời điểm phê duyệt. Riêng đối với các công trình giao thông nông thôn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, nhưng còn vướng mắc về cơ chế chưa thể triển khai được thì thực hiện theo hướng dẫn này.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lô Ích Giang